TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 9 - 2023
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Đông và ông Nhữ Văn Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu – Thư ký viên TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Quế - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Chị Trương Hồng V, sinh năm 1995 (Có mặt).

HKTT và chỗ ở hiện nay: Ngõ G, khu V, phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng: Bà Đoàn Thị Đ, sinh năm 1950 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Hồng V trình bày yêu cầu khởi kiện như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào ngày 10/7/2013 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống tại gia đình anh T ở thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T ham chơi, tụ tập bạn bè, nợ nần dẫn đến cuộc sống vợ chồng khó khăn, trong thời gian chung sống với anh T chị đã phải nhiều lần đứng ra trả nợ thay cho chồng. Anh T1 cũng thường xuyên có hành vi chửi bới chị thậm chí có lần anh T1 còn đánh chị. Cụ thể vào ngày 14/5/2022, xảy ra việc 2 vợ chồng cãi nhau, anh T1 đánh chị sưng mặt, chị có chụp lại ảnh và sau đó chị bỏ về gia đình nhà đẻ ở phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh sinh sống. Sau khi chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh T1 có nhắn tin cho chị hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị không đồng ý. Từ thời gian đó cho đến nay chị và anh T1 cũng chưa gặp nhau lần nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm. Ngoài mâu thuẫn nêu trên, chị còn mâu thuẫn, không hợp với mẹ chồng, mẹ chồng thỉnh thoảng có mắng chửi chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng chị đã trầm trọng không thể hàn gắn, níu kéo, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị quyết định làm đơn xin ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1.

+ Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung là Nguyễn Giang H, sinh ngày 11/12/2012 và Nguyễn Mạnh T2, sinh ngày 21/09/2015. Hiện nay cả 2 con đang ở cùng với anh T1. Chị đề nghị Tòa án giải quyết mỗi người nuôi 01 con chung, cụ thể chị được nuôi con Nguyễn Giang H theo như nguyện vọng của con và anh T1 nuôi con Nguyễn Mạnh T2 cho đến khi con trưởng thành tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Trong trường hợp được quyền nuôi con chung, chị tự nguyện không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp anh T1 nuôi con và không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con, chị cũng nhất trí.

Về điều kiện nuôi con: Hiện nay chị có nơi ở ổn định cùng bố mẹ chị ở phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh và có nghề nghiệp ổn định, đang là công nhân bộ phận Support ở Công ty S ở khu Công nghiệp Đ, thành phố H với mức lương khoảng 15.000.000đ/tháng và hàng ngày chị đi làm đều được công ty có xe đưa đón đến nơi làm việc nên chị cam đoan có đủ điều kiện để nuôi con đến khi con chung trưởng thành

+ Về tài sản chung, nợ chung công sức: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được tòa án triệu tập nhưng anh T1 đều vắng mặt, tại buổi làm việc tại gia đình, anh T1 có nêu quan điểm như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh T1 xác định anh và chị V được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau ngày cưới, vợ chồng về chung sống với nhau tại thôn V, xã T. Trong cuộc sống, anh và chị V xảy ra mâu thuẫn nhưng theo anh chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt trong cuộc sống. Khoảng tháng 05/2022, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị V đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh sinh sống. Anh có liên lạc với chị để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị V không đồng ý quay về. Đến nay, chị V làm đơn xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn và đề nghị Toà án hòa giải cho hai vợ chồng.

+ Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Giang H, sinh ngày 11/12/2012 và Nguyễn Mạnh T2, sinh ngày 21/09/2015. Hiện các con đều đang ở cùng với anh. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cả hai con và tự nguyện không yêu cầu chị V cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về điều kiện nuôi con: Hiện nay anh xác định có nơi ở ổn định tại thôn V, xã T và có nghề nghiệp là công nhân tại Công ty S ở Khu công nghiệp Đ, thành phố H với mức lương từ 8.000.000đ/tháng. Anh cam đoan có đủ khả năng để nuôi các con.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Anh Tuấn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Trương Hồng V giữ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn T và yêu cầu giải quyết về quyền nuôi con chung. Bị đơn anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo các nguyên tắc xét xử. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 BLTTDS.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4

Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Đề nghị HĐXX:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Hồng V, xử cho chị Trương Hồng V được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

+ Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng con chung Nguyễn Mạnh T2, sinh ngày 21/09/2015; Giao cho chị Trương Hồng V nuôi dưỡng con chung Nguyễn Giang H, sinh ngày 11/12/2012 cho đến khi các con đủ 18 tuổi trưởng thành. Chị Trương Hồng V và anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom đối với con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị Trương Hồng V và anh Nguyễn Văn T không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không phải giải quyết.

+ Về án phí: Chị Trương Hồng V là phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Hồng V khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Văn T, anh T có hộ khẩu thường trú và trú tại thôn V, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án cần giải quyết là "*ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" và Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương là tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng tiếp tục vắng mặt và không thuộc trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan do vậy Tòa án nhân dân huyện Bình Giang tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[2] Về các quan hệ pháp luật cần giải quyết:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Hồng V và anh Nguyễn Văn T đều xác định hai bên được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 10/7/2013, khi đăng ký kết hôn chị V và anh T đều đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân này là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị V xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị V là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T ham chơi, tụ tập bạn bè, nợ nần dẫn đến cuộc sống vợ chồng khó khăn, chị V đã phải nhiều lần đứng ra trả nợ thay

cho chồng. Anh T1 thường xuyên có hành vi chửi bới chị thậm chí có lần anh T1 còn đánh chị, cụ thể vào ngày 14/5/2022 anh T1 đánh chị sưng mặt dẫn đến sau đó chị bỏ về gia đình nhà đẻ ở phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh sinh sống. Về phía anh T1 cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 05/2022 đến nay tuy nhiên theo anh mâu thuẫn của vợ chồng anh chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Sau khi vợ chồng ly thân, hai bên có liên lạc một lần nhưng chị V không đồng ý về tiếp tục chung sống và sau đó làm đơn xin ly hôn anh T1. Để làm rõ mâu thuẫn, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương và được Trưởng thôn Vạc cung cấp: Vợ chồng chị V, anh T1 có mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T1 chơi bời, vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi, cãi cọ nhau tuy nhiên vợ chồng cũng chưa lần nào đề nghị thôn tiến hành việc hòa giải cho hai vợ chồng. Khoảng tháng 05/2022 do mâu thuẫn nên hiện nay 2 vợ chồng đã sống ly thân, chị V đã dọn ra ngoài sinh sống và không quay lại tiếp tục chung sống với anh T1. Từ những căn cứ nêu trên có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng chị V và anh T1 có mâu thuẫn kéo dài từ nhiều năm nay và đã căng thẳng, trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị V, xử cho chị V ly hôn anh T1 là phù hợp khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị V và anh T1 đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Giang H, sinh ngày 11/12/2012 và Nguyễn Mạnh T2, sinh ngày 21/09/2015, hiện nay 2 cháu đang ở cùng với anh T1. Quan điểm của anh T1 trong trường hợp vợ chồng ly hôn, anh mong muốn được tiếp tục nuôi cả 2 con chung, chị V ban đầu cũng đồng ý để anh T1 nuôi 02 con vì không muốn các con tách rời nhau tuy nhiên đến nay do con chung Nguyễn Giang H trình bày nguyện vọng muốn ở cùng chị nên chị đề nghị tòa án giải quyết cho chị nuôi con Nguyễn Giang H và anh T1 nuôi con Nguyễn Mạnh T2 cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Căn cứ theo tài liệu về điều kiện nuôi con do chị V, anh T1 cung cấp xác định chị V và anh T1 đều có nơi ở ổn định và đều có công việc có thu nhập tại Công ty S ở Khu công nghiệp Đ với mức thu nhập hàng tháng của chị V là 15.000.000đ/tháng và của anh T1 là 8.000.000đ/tháng nên cả hai đều đủ khả năng để nuôi con. Mặt khác, nguyện vọng của con Nguyễn Giang H muốn ở cùng mẹ và Nguyễn Mạnh T2 ở cùng bố hoặc mẹ đều được nên cần giao cho chị Trương Hồng V nuôi dưỡng con chung Nguyễn Giang H và anh Nguyễn Văn T

tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Mạnh T2 cho đến khi các con đủ 18 tuổi trưởng là phù hợp với điều kiện của các bên cũng như nguyện vọng của các con.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do mỗi người nuôi 01 con chung và chị V, anh T đều tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chị V và anh T, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

[2.4] Về tài sản chung, công sức: Chị V và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[2.5] Về nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án chị V và anh T đều không kê khai khoản nợ và không yêu cầu tòa án giải quyết tuy nhiên quá trình xác minh tại địa phương trưởng thôn V1 có nêu ra khoản nợ do chị V, anh T vay tại Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh H – Phòng giao dịch huyện B với số tiền là 20.000.000đ và khoản nợ có liên quan đến anh T. Ngày 28/8/2023, chị V đã trả xong khoản nợ 20.000.000đ nêu trên. Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh H – Phòng giao dịch huyện B xác nhận đã nhận đủ số tiền nợ gốc và lãi của khoản vay nợ 20.000.000đ nêu trên và đề nghị tòa án tiếp tục giải quyết vụ án hôn nhân giữa chị V, anh T theo quy định của pháp luật, Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh H – Phòng giao dịch huyện B cũng không có ý kiến, yêu cầu gì kể cả đối với các khoản nợ khác liên quan đến anh T. Chị V đứng ra trả số tiền nợ là 20.000.000đ và tiền lãi cho Ngân hàng, không yêu cầu tòa án giải quyết bất cứ vấn đề gì khác về nợ nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Trong trường hợp các bên có tranh chấp, có thể giải quyết trong một vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Trương Hồng V là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Hồng V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Hồng V được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Mạnh Tùng, sinh ngày 21/09/2015 (hiện đang ở cùng anh T) cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành.

Giao cho chị Trương Hồng V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Giang H, sinh ngày 11/12/2012 (hiện đang ở cùng anh T) từ tháng 09/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi trưởng thành.

Đối với con chung không trực tiếp nuôi dưỡng: Chị Trương Hồng V và anh Nguyễn Văn T đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Hồng V và anh Nguyễn Văn T, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị V, anh T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trương Hồng V phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị V đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0004253 ngày 09/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Chị V đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Chi cục THA dân sự huyện Bình Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Duy Hải